

Án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 02 năm 2023
“ V/v ly hôn, nuôi con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thuỷ

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Đình Động** - Trường THCS xã Quang Vinh

Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện Ân Thi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Quốc T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985 (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Ngọc L, sinh năm 2004

2. Đoàn Đình D, sinh năm 2009

- Người đại diện cho cháu L, cháu D: Anh T

Đều trú tại: thôn B, xã Q, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của anh Đoàn Quốc T và chị Nguyễn Thị Q trong quá trình tố tụng thể hiện:

Anh T và chị Q quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 01 tháng thì tiến đến hôn nhân, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 01/03/2004.

Sau khi kết hôn, chị Q chuyển về nhà anh T chung sống cùng gia đình khoảng hai tháng thì ăn riêng và đến năm 2009 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát có sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm và hay cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không mặn nồng, cuộc sống

hôn nhân không được như ý. Anh T không có tình cảm với chị Q, vợ chồng không khi nào nói chuyện với nhau một cách bình thường hết đầu cuối câu chuyện và không tôn trọng nhau. Đã nhiều lần chị Q thưa chuyện với bố mẹ anh chuyện vợ chồng sẽ ly hôn. Đỉnh điểm mâu thuẫn là chị Q bỏ đi làm ăn xa nhưng không bàn bạc gì với gia đình và anh. Hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không quan tâm gì nhau. Anh T xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn vì những lật lọng cuộc sống tích tụ lâu dần, cả hai không cùng quan điểm. Hai vợ chồng vì con nên không đánh cãi nhau mà lạnh nhạt và không quan tâm gì nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu toà án giải quyết cho ly hôn.

Còn theo chị Q nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian tìm hiểu ngắn, tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau về những vấn đề nhỏ nhặt của cuộc sống. Chị nghi ngờ anh T ngoại tình nhưng chuyện này không có căn cứ, vợ chồng không còn tình cảm nên chị cũng không muốn khai ra, cuộc sống của ai người đó tự lo. Vợ chồng không tôn trọng nhau, sống vì con cái nên cả hai cũng không còn tình cảm từ lâu nhưng vẫn cố chung sống với nhau. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Đoàn Ngọc L sinh năm 2004 và Đoàn Đình D, sinh năm 2009. Vợ chồng ly hôn, con chung Đoàn Ngọc L đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu toà án giải quyết, còn con chung Đoàn Đình D hiện đang học lớp 8 tại trường THCS Q, hiện cả hai cháu đang ở với anh T. Anh T đề nghị các cháu đang sống và học tập ổn định cùng anh và ông bà nên đề nghị Toà án để anh chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Q đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ cũng như công sức đóng góp: anh T, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Ông Đoàn Đình Đ, bố của anh T: anh T và chị Q kết hôn tự nguyện, được sự tác thành của hai gia đình và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh T lái xe còn chị Q ở nhà chăm lo gia đình. Hai vợ chồng có hai con chung là L và D. Vợ chồng T Q mâu thuẫn từ khi nào thì ông không rõ vì vợ chồng giấu ông. Cách đây vài tháng thì chị Q có nói thật và thưa chuyện ông là vợ chồng bỏ nhau thì ông mới biết. Khi đó ông và gia đình thông gia tìm hiểu có xúm vào khuyên nhủ nhưng không nghe. Sau đó ông để ý mới thấy vợ chồng T Q không khi nào ở cùng nhau đã lâu. Nay anh T kiên quyết bỏ vợ, ông khuyên không nghe thì ông không can thiệp để vợ chồng tự quyết.

- Ông Nguyễn Văn Tr là bố đẻ của chị Q: anh T và chị Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có vấn đề gì. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được vì không ở gần. Ông được nghe kể: vợ chồng mâu thuẫn do anh T có quan hệ bồ bịch, không quan tâm vợ con chứ không có căn cứ. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì hai bên có khuyên nhưng anh T, chị Q vẫn đến Tòa án yêu cầu ly hôn, nếu vợ chồng kiên quyết thì ông cũng không can thiệp để vợ chồng tự quyết định.

- Ông Đoàn Đình S, trưởng thôn cung cấp: anh T, chị Q kết hôn tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi đăng ký kết hôn ở xã thì gia đình hai bên cũng tổ chức lễ cưới cho anh chị theo phong tục. Sau khi cưới chị Q về ngay nhà anh T sống.

Anh T lái xe nên hay xa nhà. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gì ông không nắm được vì không khi nào thấy vợ chồng đánh cãi chửi nhau gì. Qua nắm thông tin ông được biết vợ chồng T Q có mâu thuẫn và rõ nhất là khi chị Q thừa chuyện bỏ nhau với bố mẹ anh T. Chị Q hai lần đề cập chuyện này nhưng ông bà đề gạt đi. Chị Q anh T có hai con chung là cháu L và D, cháu L chuẩn bị đi nghĩa vụ còn cháu D đang học và ở cùng anh T.

Tại phiên tòa, chị Q, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như lời khai trước đó nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 78 BLTIDS.

+ Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản | Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng anh Toàn phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài không được giải quyết, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm tới ai. Cả anh T và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không có kết quả do anh T cương quyết xin ly hôn và có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải, còn chị Q vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy cả anh T và chị Q đều không còn tha thiết duy trì cuộc sống chung, tình trạng hôn nhân giữa anh Toàn và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử cho anh T ly hôn chị Q.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là các cháu Đoàn Ngọc L và cháu Đoàn Đình D. Hiện cả hai cháu đều đang ở với anh T. Cháu L đã thành niên và tự lo được cho cuộc sống của mình, còn cháu D có nguyện vọng ở với anh T. Vợ chồng ly hôn, anh Toàn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến tuổi thành niên

và không đề nghị chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Q nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của con chung và cháu D có điều kiện phát triển tốt nhất nên giao cho anh T nuôi dưỡng cháu D, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết

+ Anh Toàn phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là anh Đoàn Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Q và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Các đương sự đều cư trú tại thôn B, xã Q, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

[2.1] *Về việc kết hôn*: Anh T và chị Q xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng là hai bên gia đình đều thừa nhận vợ chồng anh T chị Q có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm và hay cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không mặn nồng, cuộc sống hôn nhân không được như ý. Vợ chồng đã ly thân từ tháng đầu năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai và cũng không hàn gắn lại được tình cảm, anh T kiên quyết xin ly hôn, chị Q nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không chung sống, không quan tâm nhau và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng đã thuận tình ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3] *Về con chung*: Anh T, chị Q có hai con chung, tuy nhiên chỉ có cháu Đoàn Đình D, sinh năm 2009 chưa đến tuổi thành niên, hiện nay cháu đang ở cùng với anh T. Vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc cháu D và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng, chị Q đồng ý. Bản thân cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy anh T có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy sẽ giao cho anh T nuôi cháu Đoàn Đình D đến khi thành

niên, chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh D vì anh không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: anh T và chị Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 238, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Quốc T, xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Đoàn Quốc T nuôi dưỡng con chung là Đoàn Đình D, sinh năm 2009 đến khi thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T. Sau khi ly hôn, chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: anh T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003235 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Anh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Đình Động

Dương Thị Thu Hồng

Lương Thị Thuỷ